

Số: 488/DKND-HĐQT

Nam Định, ngày 07 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

“V/v Phê duyệt báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021”

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 498/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-HĐQT ngày 04/08/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính (sửa đổi lần 3);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: VNĐ

1. Tổng tài sản	157.927.893.039
Trong đó:	
a, Tiền và các khoản tương đương tiền	5.771.790.091
- Tiền mặt	2.404.119.723
- Tiền gửi ngân hàng	3.367.670.368
b, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	-
c, Các khoản phải thu	23.275.130.941
- Phải thu của khách hàng	27.460.139.944
- Trả trước cho người bán	5.243.222.230
- Các khoản phải thu khác	2.946.618.946
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(12.374.850.179)
d, Hàng tồn kho	48.416.338.699
- Hàng tồn kho	48.416.338.699
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	

e, Tài sản ngắn hạn khác	604.432.479
- Chi phí trả trước ngắn hạn	31.941.663
- Thuế GTGT được khấu trừ	
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	572.490.816
- Tài sản ngắn hạn khác	
f, Tài sản cố định	50.431.452.423
- Nguyên giá	113.123.864.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	(62.692.412.491)
- Giá trị còn lại	50.431.452.423
g, Tài sản dở dang dài hạn	577.615.332
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	577.615.332
h, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	415.867.237
- Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	5.000.000.000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(4.584.132.763)
i, Tài sản dài hạn khác	28.435.265.837
- Chi phí trả trước dài hạn	28.435.265.837
2. Nợ phải trả	126.685.322.103
Trong đó:	
a, Nợ ngắn hạn	116.273.435.762
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.922.831.000
- Phải trả người bán ngắn hạn	80.583.372.772
- Người mua trả tiền trước	86.419.311
- Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	25.092.283.313
- Phải trả người lao động	4.081.588.124
- Chi phí phải trả ngắn hạn	1.544.010.765
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	225.000.000
- Phải trả ngắn hạn khác	797.556.970
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	780.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	160.373.507
b, Nợ dài hạn	10.411.886.341
- Phải trả người bán dài hạn	7.440.353.841
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.971.532.500
3. Vốn chủ sở hữu	31.242.570.936
Trong đó:	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	66.666.660.000
- Quỹ đầu tư phát triển	6.666.660.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	(42.090.749.064)

5938
GT
PHẢ
GD
JKI
M DII
VH - T.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện (đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.366.171.511.474
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	386.385.021
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.365.785.126.453
4	Giá vốn hàng bán	1.293.080.521.680
5	Doanh thu hoạt động tài chính	13.480.632
6	Chi phí tài chính	833.980.250
7	Chi phí bán hàng	49.667.949.882
8	Chi phí quản lý	18.314.977.794
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.901.177.479
10	Thu nhập khác	775.034.208
11	Chi phí khác	137.249.701
12	Lợi nhuận khác	637.784.507
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.538.961.986
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.538.961.986

Với kết quả hoạt động đã đạt được nêu trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Ban kiểm soát;
- Ban giám đốc;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN ĐIỀU HÀNH**



Tôn Quốc Bình

